

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Tòng

Ông Trần Xuân Thành

- T ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1987; địa chỉ: Xóm Vĩnh Lộc, xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Thái H, sinh ngày 19/11/1986; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Vĩnh Lộc, xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An; hiện đang ở Đài Loan (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lang Đình M, sinh năm 1964 và bà Vi Thị T, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Xóm Vĩnh Lộc, xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh Lương Thái H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng ở xóm Vĩnh Lộc, xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn được một thời gian thì tình cảm vợ chồng rạn nứt, đến năm 2016 thì vợ chồng mỗi người

đi làm một nơi. Năm 2018, vợ chồng ly thân, đến năm 2020 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Thái H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lương Thái N, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Lương Hà P, sinh ngày 19/4/2013. Hiện nay cháu P đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu N hiện nay đang do bố mẹ anh H là ông Lang Đình M và bà Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Thái H: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh H vắng mặt. Chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh H cư trú, chỉ biết anh H đi sang Đài Loan từ năm 2020 đến nay. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh H thông qua bố mẹ để là ông Lang Đình M và bà Vi Thị T, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông M và bà T cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông M và bà T cho biết anh H đang ở Đài Loan, Tổng xuyên liên lạc về với ông bà, không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh ở Đài Loan. Anh H đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị T với anh. Theo ông M, bà T thì anh H đồng ý ly hôn chị T; anh đồng ý nuôi con chung là Lương Thái N và tạm thời nhờ ông M, bà T nuôi dưỡng cháu N, khi nào về nước anh H sẽ tiếp tục nuôi con; về tài sản chung và nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào của anh H thể hiện ý kiến liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lang Đình M và bà Vi Thị T: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lương Thái H; anh H hiện đang ở Đài Loan. Anh H Tổng xuyên liên lạc về với ông bà nhưng không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh ở nước ngoài. Anh H đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị T với anh. Hiện nay ông bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng con anh H chị T là cháu Lương Thái N; nếu anh H chị T ly hôn, ông bà không yêu cầu anh H chị T trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N từ trước đến nay.

Cháu Lương Hà P có ý kiến: Cháu là con đẻ của mẹ Lương Thị T và bố Lương Thái H. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Lương Thị T.

Cháu Lương Thái N có ý kiến: Cháu là con đẻ của mẹ Lương Thị T và bố Lương Thái H. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở bố Lương Thái H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Thái H đã được bố mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Lương Thị T xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Lương Thị T và anh Lương Thái H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An vào năm 2010, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì vợ chồng ly thân, đến năm 2020 thì anh H đi Đài Loan. Vợ chồng từ đó không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Thái H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thái N, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Lương Hà P, sinh ngày 19/4/2013; khi ly hôn anh H đang ở nước ngoài, chị T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét; chị Lương Thị T và anh Lương Thái H có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa Nguyên đơn chị Lương Thị T và bị đơn anh Lương Thái H; chị T và anh H có hộ khẩu thường trú tại xóm Vĩnh Lộc, xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Theo thông tin của cục xuất nhập cảnh cho biết anh Lương Thái H đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 15/9/2020 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Thái H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của ông Lang Đình M và bà Vi Thị T là bố mẹ đẻ của anh H và yêu cầu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ

An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh H. Tuy nhiên, ông M và bà T không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh H do anh H không cho ông bà biết; ông bà cho biết anh H đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị giao con chung là cháu Lương Hà P cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng anh H trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lương Thị T, ông Lương Đình M, bà Vi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt N đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228, vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn chị Lương Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì vợ chồng ly thân, đến năm 2020 thì anh H đi Đài Loan. Vợ chồng từ đó không liên lạc với nhau. Nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Thái H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Lương Thái N, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Lương Hà P, sinh ngày 19/4/2013. Hiện nay cháu P đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N hiện nay đang do bố mẹ anh H là ông Lương Đình M và bà Vi Thị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ. Mặc dù, cháu Lương Thái N đang do ông bà nội chăm sóc, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với bố. Nhưng xét, hiện nay chị T đang sống tại Việt Nam, cháu N đang còn nhỏ nên cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ; anh H đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con cần giao 02 con chung Lương Thái N và Lương Hà P cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do cháu Lương Thái N hiện đang ở cùng với ông bà nội của cháu là ông Lương Đình M và bà Vi Thị T nên cần buộc ông M, bà T giao cháu Lương Thái N cho chị Lương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Thái N từ trước đến nay, ông Lương Đình M và bà Vi Thị T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh Lương Thái H.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thái N sinh ngày 18/5/2011 và cháu Lương Hà P, sinh ngày 19/4/2013 cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông Lương Đình M và bà Vi Thị T (là bố mẹ đẻ của anh Lương Thái H hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N) giao cháu Lương Thái N sinh ngày 18/5/2011 cho chị Lương Thị T theo quy định của pháp luật.

Anh Lương Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lương Thị T và anh Lương Thái H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012304 ngày 21/11/2022.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. N đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. N đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Anh Sơn